

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 147/2024/HNGĐ-ST
Ngày 27 - 6 - 2024
V/v Không công nhận vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Công Minh
Bà Trương Ánh Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Như – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau tham gia phiên tòa:
Bà Tiết Ánh Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 621/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2023 về việc “Không công nhận vợ chồng”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn R, sinh năm 1989. Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã Tr, huyện Đ, tỉnh Cà Mau; (có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị Nh, Sinh năm: 1990. Địa chỉ: Nhà không số, ấp G, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Nguyễn Văn R trình bày tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa như sau:

- Hôn nhân: Ông và bà Trần Thị Nh tự nguyện chung sống vào năm 2009, không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh Nều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Đến năm 2017 do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Ông yêu cầu được ly hôn với bà Nh.

- Con chung: Ông và bà Nh có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Kim H, sinh ngày 26/7/2010 và Nguyễn Kim Ng, sinh ngày 04/11/2011, hiện nay

đang sống cùng bà Nh. Khi ly hôn, ông giao cả hai người con chung cho bà Nh trực tiếp nuôi dưỡng, ông cấp dưỡng nuôi mỗi người con 1.000.000 đồng/tháng.

- Tài sản chung: Ông xác định vợ chồng không có tài sản chung.

- Nợ chung: Ông xác định không có nợ ai và không ai nợ lại ông, bà.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị Nh đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo cho bà Nh đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập, để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng bà Nh vẫn vắng mặt không rõ lý do và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau phát biểu ý kiến như sau: Về việc chấp hành pháp luật trong tố tụng dân sự: Từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng về quyền và nghĩa vụ được quy định trong pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn R, về việc ly hôn với bà Trần Thị Nh; Về con chung: Giao hai người con chung tên Nguyễn Thị Kim H và Nguyễn Thị Kim Ng cho bà Nh trực tiếp nuôi dưỡng; ông R có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi người con 1.000.000 đồng/tháng; Về tài sản chung, nợ chung không xem xét, giải quyết; Về án phí, đề nghị xử lý theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là không công nhận vợ chồng.

Bị đơn bà Trần Thị Nh đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Nh theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn R khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị Nh, Hội đồng xét xử xét thấy, ông R và bà Nh tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2009, có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Căn cứ các Điều 9, 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, không công nhận ông R và bà Nh là vợ chồng.

[3] Về con chung: Ông R và bà Nh có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Kim H, sinh ngày 26/7/2010 và Nguyễn Kim Ng, sinh ngày 04/11/2011. Tại Biên bản làm việc, bà Võ Thị H là bà nội của bà Nh trình bày hai cháu H và Ng hiện nay đang sống cùng bà Nh. Đồng thời, tại thời điểm Tòa án đến để ghi ý kiến các cháu thì các cháu không có ở nhà, nên không ghi ý kiến được. Mặt khác, tại phiên tòa ông R đồng ý giao cả hai người con chung cho bà Nh trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, hiện nay các H và Ng đang sống ổn định với bà Nh

và sự tự nguyện của ông R giao con cho bà Nh nuôi dưỡng, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, giao Nguyễn Thị Kim H và Nguyễn Kim Ng cho bà Nh trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, ông R xác định ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi mỗi người con 1.000.000 đồng/tháng. Xét thấy, mức cấp dưỡng nêu trên cũng đảm bảo nhu cầu thiết yếu của con chung. Đối với bà Nh không có ý kiến, nên không xem xét. Do đó, chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi mỗi người con 1.000.000 đồng/tháng là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Ông R xác định không có, bà Nh không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là có căn cứ.

[5] Về nợ chung: Ông R xác định không có, không ai yêu cầu giải quyết về nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Án phí: Nguyên đơn phải nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 14, 16, 53, 81, 82, 83, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Văn R và bà Trần Thị Nh là vợ chồng.

Con chung: Giao Nguyễn Thị Kim H, sinh ngày 26/7/2010 và Nguyễn Kim Ng, sinh ngày 04/11/2011, hiện đang sống cùng bà Nh cho bà Nh tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Ông R có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Buộc ông Nguyễn Văn R có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu H và cháu Ng mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng, định kỳ cấp dưỡng hàng tháng, thời gian bắt đầu cấp dưỡng kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu H và cháu Ng đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bà Trần Thị Nh có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Văn R không tự nguyện thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự đối với số tiền chậm thi hành tương ứng thời gian chậm thi hành.

Tài sản chung; Nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Án phí: Ông R phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng, tổng cộng 600.000 đồng. Ngày 30/10/2023, ông R đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo lai thu số 0008570 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được đối trừ, ông R tiếp tục nộp 300.000 đồng (chưa nộp), nộp tại Chi cục thi hành án có thẩm quyền.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Ngọc Hân